Chứng quyền HPG là tâm điểm

07/05/2024

Thị trường cơ sở tiếp tục có diễn biến tích cực trong phiên hôm nay và kéo theo nhiều chứng quyền tăng điểm mạnh. Thanh khoản của thị trường chứng quyền giảm mạnh so với phiên trước nhưng vẫn ở mức khá cao và các chứng quyền của HPG, MWG, FPT là những mã được giao dịch tích cực nhất. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT có thể mua vào với tỷ trọng thấp ở các chứng quyền đang có xu hướng ngắn hạn tích cực.

Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch

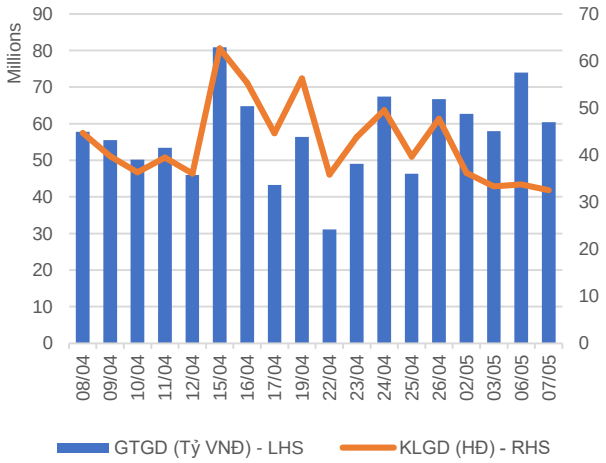

Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền

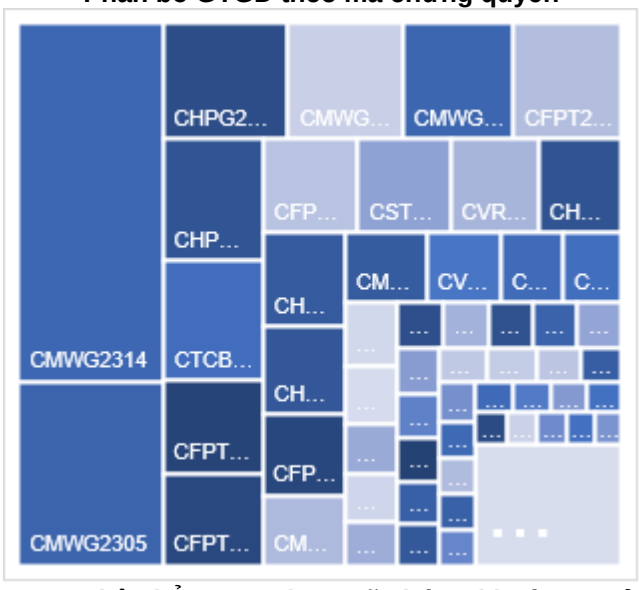

Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở

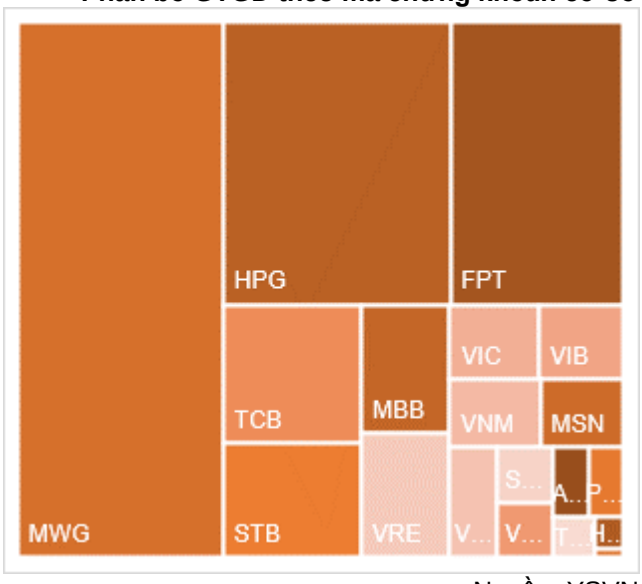

Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DICH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	-1.0%	2040	100	0	ITM	5.3%		141	47%
CACB2305	0.0%	880	287,900	0.253	ITM	5.9%		155	41%
CACB2306	0.5%	2000	38,000	0.074	ITM	1.3%		76	37%
CACB2307	1.5%	660	49,800	0.032	ITM	4.7%		106	38%
CACB2401	-2.2%	1360	1,000	0.001	ITM	0.3%		43	0%
CFPT2310	7.6%	6070	220,800	1.332	ITM	0.9%	2.73	90	47%
CFPT2313	10.4%	3400	289,700	0.966	ITM	2.1%	3.77	94	47%
CFPT2314	8.1%	4010	331,200	1.311	ITM	6.7%	3.00	247	48%
CFPT2316	7.4%	4910	373,600	1.803	ITM	-0.2%	2.67	76	0%
CFPT2317	6.2%	2230	573,500	1.283	ITM	2.4%	3.63	198	25%
CFPT2318	13.2%	4120	89,900	0.362	ITM	0.5%	3.95	69	0%
CHDB2306	-1.3%	1540	91,200	0.138	ITM	1.7%	4.38	50	56%
CHPG2309	17.2%	2040	1,127,300	2.093	ITM	-0.1%	4.92	17	0%
CHPG2315	4.3%	1460	600	0	ITM	11.5%	4.06	48	111%
CHPG2316	12.9%	1140	279,700	0.295	ITM	10.9%	4.33	139	51%
CHPG2319	25.0%	550	185,700	0.091	ITM	7.2%	7.54	50	48%
CHPG2322	9.6%	1260	234,800	0.288	ITM	7.9%	6.80	71	44%
CHPG2329	20.8%	1510	857,700	1.126	ITM	6.2%	6.50	90	38%
CHPG2331	16.2%	790	2,372,500	1.749	ITM	8.6%	4.49	155	43%
CHPG2332	15.5%	820	1,407,500	1.033	ITM	10.8%	4.14	188	44%
CHPG2333	15.3%	830	324,400	0.247	ITM	12.7%	3.95	216	44%
CHPG2334	11.9%	660	1,787,800	1.112	ITM	15.4%	3.61	247	46%
CHPG2337	23.2%	690	38,200	0.021	ITM	7.5%	6.52	59	51%
CHPG2338	16.1%	1080	262,500	0.263	ITM	13.8%	4.11	153	52%
CHPG2339	8.3%	3270	18,600	0.058	OTM	21.9%	2.76	244	64%
CHPG2341	23.7%	1150	218,700	0.216	ITM	7.1%	7.46	76	39%
CHPG2342	8.5%	890	289,700	0.246	ITM	9.1%	2.96	198	62%
CHPG2343	22.9%	1020	528,200	0.48	ITM	3.0%	7.73	38	46%
CHPG2401	0.0%	480	61,800	0.023	OTM	7.6%	9.33	43	43%
CMBB2306	-0.3%	3490	28,700	0.101	ITM	0.6%	3.84	17	95%
CMBB2312	2.4%	2100	406,200	0.814	ITM	4.2%	4.71	90	49%
CMBB2314	0.0%	970	219,900	0.207	ITM	5.0%	4.86	94	48%
CMBB2315	-1.5%	1330	187,600	0.247	ITM	11.3%	3.30	247	49%
CMBB2317	0.0%	740	334,400	0.245	ITM	4.2%	5.04	106	40%
CMBB2318	0.0%	1590	27,300	0.037	ITM	7.1%	3.28	139	66%
CMBB2401	0.0%	1640	3,000	0.004	ITM	2.3%	6.25	43	50%
CMSN2302	-0.9%	1090	183,300	0.189	ITM	1.9%	9.48	17	58%
CMSN2307	-5.6%	170	9,000	0.001	OTM	19.0%	5.78	50	51%
CMSN2311	0.0%	350	35,200	0.012	OTM	28.2%	3.37	90	56%
CMSN2313	0.0%	830	355,500	0.287	OTM	24.0%	3.26	155	60%
CMSN2316	6.8%	630	309,700	0.187	OTM	26.8%	3.36	153	56%
CMSN2317	2.6%	1180	119,300	0.138	OTM	35.3%	2.49	244	60%
CMWG2305	3.1%	6000	656,600	3.801	ITM	0.2%	2.49	17	116%
CMWG2310	10.2%	1950	58,400	0.099	ITM	8.3%	4.45	90	61%
CMWG2313	3.1%	2000	994,100	1.845	ITM	4.6%	4.24	94	53%
CMWG2314	9.5%	1500	5,396,000	7.441	ITM	13.0%	2.99	247	56%
CMWG2316	6.3%	2180	388,000	0.819	ITM	3.0%	4.03	108	43%
CMWG2318	6.7%	2850	689,800	1.917	ITM	-0.3%	3.42	76	0%
CNVL2305	0.0%	790	100	0	OTM	38.1%	0.02	50	189%
CPDR2305	-1.8%	2220	12,600	0.028	ITM	5.4%		50	120%
CPOW2306	0.0%	70	-	0	OTM	45.4%		50	73%

CPOW2309	0.0%	10	34,300	0	OTM	30.8%		10	95%
CPOW2313	0.0%	220	63,900	0.012	OTM	20.1%		59	58%
CPOW2314	-2.0%	500	431,300	0.206	OTM	27.1%		153	57%
CPOW2315	-1.4%	720	176,400	0.12	OTM	34.2%		244	59%
CSHB2303	-3.9%	490	341,200	0.157	OTM	14.4%		58	68%
CSHB2304	-3.3%	290	19,200	0.004	OTM	12.6%		59	77%
CSHB2305	6.7%	320	36,700	0.011	OTM	21.5%		153	63%
CSHB2306	-2.5%	1180	236,400	0.27	OTM	29.9%		244	71%
CSTB2306	0.0%	160	264,600	0.044	OTM	7.1%	22.74	17	39%
CSTB2312	-8.3%	110	195,000	0.021	OTM	19.7%	7.57	48	50%
CSTB2313	3.7%	280	216,400	0.06	OTM	30.6%	4.68	139	50%
CSTB2316	33.3%	80	10,500	0	OTM	29.8%	3.87	50	58%
CSTB2318	0.0%	20	306,900	0.006	OTM	13.4%	7.62	10	56%
CSTB2325	1.8%	580	42,000	0.019	OTM	19.5%	4.25	90	62%
CSTB2327	-12.5%	210	954,600	0.195	OTM	17.5%	7.35	94	43%
CSTB2328	-2.1%	470	39,100	0.018	OTM	29.9%	3.16	247	55%
CSTB2331	-9.1%	100	1,900	0	OTM	25.4%	6.37	59	51%
CSTB2332	3.4%	300	144,100	0.041	OTM	32.1%	4.47	153	50%
CSTB2333	1.4%	1450	878,900	1.242	OTM	37.8%	3.06	244	55%
CSTB2334	3.3%	1250	157,300	0.194	ITM	8.7%	4.93	108	48%
CSTB2336	33.3%	40	41,900	0.001	OTM	10.2%	13.22	14	52%
CSTB2337	0.0%	1040	11,700	0.012	ITM	21.1%	2.55	198	79%
CSTB2338	5.3%	400	1,147,500	0.437	OTM	6.7%	10.93	38	41%
CSTB2401	38.9%	250	11,000	0.002	OTM	12.2%	10.74	43	44%
CTCB2302	-1.3%	6950	23,800	0.165	ITM	-0.1%	2.30	17	0%
CTCB2307	-0.3%	3940	17,300	0.064	ITM	3.9%	2.99	90	79%
CTCB2309	-1.4%	4790	131,500	0.624	ITM	3.1%	3.16	141	49%
CTCB2310	-1.6%	1860	932,100	1.724	ITM	4.1%	3.03	155	54%
CTCB2312	0.2%	5250	17,900	0.092	ITM	0.9%	3.03	69	55%
CTCB2401	-1.4%	6810	16,700	0.118	ITM	-0.6%	3.51	43	0%
CTCB2302	-1.3%	6950	23,800	0.165	OTM	-0.1%	2.30	17	0%
CTCB2307	-0.3%	3940	17,300	0.064	OTM	3.9%	2.99	90	79%
CTCB2309	-1.4%	4790	131,500	0.624	OTM	3.1%	3.16	141	49%
CTCB2310	-1.6%	1860	932,100	1.724	OTM	4.1%	3.03	155	54%
CTCB2312	0.2%	5250	17,900	0.092	OTM	0.9%	3.03	69	55%
CTCB2401	-1.4%	6810	16,700	0.118	OTM	-0.6%	3.51	43	0%
CTPB2305	-6.7%	280	374,900	0.103	OTM	15.2%		59	60%
CTPB2306	-2.7%	1100	61,200	0.065	OTM	24.4%		153	63%
CTPB2401	-13.0%	400	186,000	0.076	OTM	8.7%		43	45%
CVHM2302	0.0%	100	608,300	0.058	OTM	22.8%	0.20	17	80%
CVHM2307	0.0%	40	111,700	0.004	OTM	53.4%	0.04	50	73%
CVHM2311	-55.0%	90	27,900	0.004	ITM	48.5%	1.12	90	54%
CVHM2313	0.0%	320	151,500	0.047	ITM	29.6%	3.04	155	55%
CVHM2316	-26.7%	110	106,300	0.01	ITM	27.0%	2.70	59	56%
CVHM2317	0.0%	350	887,000	0.284	ITM	34.3%	2.51	153	58%
CVHM2318	10.5%	950	800	0	ITM	41.8%	2.01	244	62%
CVHM2401	-1.6%	620	60,900	0.034	ITM	10.8%	6.24	43	58%
CVIB2302	-3.4%	2250	5,000	0.011	OTM	2.6%		17	100%
CVIB2304	-3.0%	960	600,200	0.583	OTM	6.8%		94	56%
CVIB2305	-1.5%	670	187,900	0.125	OTM	16.5%		247	49%
CVIB2306	-2.1%	3260	4,600	0.015	OTM	5.3%		108	71%
CVIB2307	1.0%	1030	133,500	0.138	OTM	15.8%		106	80%
CVIB2401	-7.3%	1140	32,100	0.037	OTM	4.3%		43	50%
CVIC2306	12.5%	180	11,300	0.002	OTM	41.5%	0.08	50	89%
CVIC2308	11.5%	290	395,300	0.105	OTM	17.6%	4.67	94	51%
CVIC2309	5.7%	370	429,900	0.154	OTM	23.8%	3.67	155	50%

CVIC2312	7.1%	150	49,700	0.006	OTM	19.7%	3.97	59	53%
CVIC2313	5.1%	410	993,400	0.38	OTM	27.9%	2.77	153	58%
CVIC2314	2.4%	1290	263,600	0.324	OTM	35.6%	2.12	244	63%
CVNM2306	23.1%	320	60,500	0.018	OTM	9.9%	7.88	50	44%
CVNM2310	12.5%	270	260,200	0.066	OTM	19.2%	5.46	94	43%
CVNM2311	18.0%	590	1,330,700	0.743	OTM	23.8%	4.37	247	39%
CVNM2314	19.5%	490	160,100	0.074	OTM	30.9%	2.87	153	50%
CVNM2315	13.7%	1660	1,000	0.001	OTM	95719.8%	0.00	244	500%
CVPB2312	-3.2%	600	93,200	0.055	ITM	12.6%	7.25	90	42%
CVPB2314	0.0%	170	75,000	0.012	OTM	25.1%	6.36	94	48%
CVPB2315	-3.6%	270	612,600	0.164	OTM	32.4%	4.34	247	46%
CVPB2317	-7.1%	130	20,800	0.002	OTM	24.3%	5.46	59	56%
CVPB2318	-3.0%	320	323,700	0.098	OTM	31.0%	4.14	153	53%
CVPB2319	-0.8%	1220	258,100	0.294	OTM	39.7%	2.64	244	62%
CVPB2321	0.0%	460	166,900	0.076	OTM	12.9%	3.76	106	69%
CVPB2322	-2.0%	490	70,900	0.032	OTM	16.8%	4.62	139	51%
CVRE2303	-20.0%	120	318,900	0.045	OTM	8.6%	13.98	17	49%
CVRE2308	-28.6%	200	3,000	0	OTM	38.5%	0.62	50	93%
CVRE2313	-4.5%	210	152,700	0.029	OTM	29.9%	4.05	90	56%
CVRE2315	-8.7%	210	521,800	0.111	ITM	35.7%	3.06	155	59%
CVRE2318	-12.5%	140	110,200	0.011	ITM	35.2%	1.91	59	68%
CVRE2319	-4.0%	240	478,600	0.097	ITM	40.2%	3.77	153	52%
CVRE2320	-0.9%	1070	1,229,200	1.183	ITM	47.6%	2.46	244	59%
CVRE2322	-2.2%	870	94,700	0.077	ITM	14.0%	4.43	76	68%
CVRE2323	0.0%	310	153,200	0.04	ITM	10.2%	8.80	38	50%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	*Upside ngắn hạn so với giá hiện tại*	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD	67.20	68.70	TĂNG	GIẢM	77.11	12%	64.19	3.30
DPM	33.25	33.55	TĂNG	GIẢM	36.78	10%	31.81	2.46
FPT	120.10	131.30	TĂNG	TĂNG	134.58	3%	122.44	(6.18)
HDB	23.60	24.30	TĂNG	TĂNG	25.41	5%	22.84	2.39
HPG	29.30	30.15	TĂNG	GIẢM	33.74	12%	28.36	4.74
MBB		22.75	GIẢM	GIẢM			23.64	-
MSN	71.10	71.20	TĂNG	GIẢM	80.54	13%	67.03	2.32
MWG	52.30	59.30	TĂNG	TĂNG	59.43	0%	54.54	(3.18)
NVL		14.60	GIẢM	GIẢM			15.85	-
PNJ	98.00	98.00	TĂNG	TĂNG	110.45	13%	92.06	2.10
REE	61.60	65.00	TĂNG	TĂNG	70.85	9%	62.54	(9.82)
STB		28.30	GIẢM	GIẢM			28.73	-
TCB	47.00	47.90	TĂNG	TĂNG	50.89	6%	45.68	2.94
VHM		41.05	GIẢM	GIẢM			42.68	-
VIC	44.45	45.00	TĂNG	GIẢM	50.49	12%	42.47	3.05
VJC	107.00	118.60	TĂNG	TĂNG	116.08	-2%	110.35	(2.71)
VNM	68.00	68.00	TĂNG	GIẢM	75.21	11%	64.99	2.39
VPB		18.80	GIẢM	GIẢM			19.30	-
VRE	23.40	23.35	TĂNG	GIẢM	25.45	9%	21.72	1.22

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG Q UÁ KHỨ CỦA CKCS

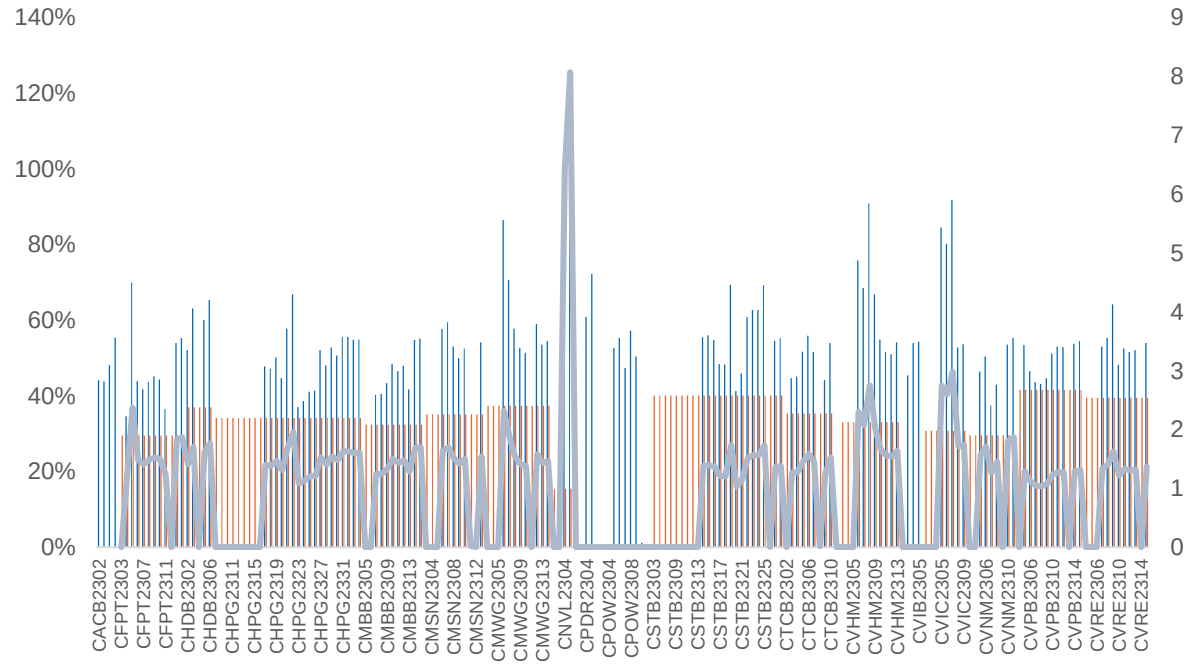

Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.
(*) NĐT có thể sử dùng "Độ biến động ngầm định" để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	n.a	2	1,060	n.a	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024

CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	n.a	3	2,100	n.a	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	n.a	3	2,500	n.a	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	n.a	2	1,800	n.a	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	n.a	4	1,100	n.a	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	n.a	1.9439	1,150	n.a	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024

CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024

CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân
+84 28 3622 6868 ext 3826
research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification
Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions
BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.
HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.
Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.
Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer
© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written.